

Chương IV
NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ
CÁC NGÀNH LUẬT TRONG
HỆ THỐNG PHÁP LUẬT
VIỆT NAM

The background features a light green and yellow color palette with abstract, flowing shapes in shades of orange, green, and blue. There are also some faint star-like patterns scattered across the design.



**LUẬT HÌNH SỰ
VIỆT NAM**



TÀI LIỆU HỌC TẬP

VĂN BẢN PHÁP LUẬT

- Bộ luật hình sự 2015
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật hình sự 2017

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- TLHT Nhà nước và pháp luật đại cương, Học viện Ngân hàng – Khoa Luật, Nxb. Lao động – Xã hội, 2020.
- Giáo trình Luật hình sự Việt Nam tập 1, 2 – Trường ĐH Luật Hà Nội.

Nội dung cơ bản

I. Khái niệm Luật Hình sự

II. Tội phạm

III. Hình phạt

I – KHÁI NIỆM LUẬT HÌNH SỰ

1. Đối tượng điều chỉnh

Đối tượng điều chỉnh của luật hình sự Việt Nam là quan hệ xã hội phát sinh giữa Nhà nước và chủ thể phạm tội khi họ thực hiện một hành vi mà Nhà nước quy định là tội phạm.

I – KHÁI NIỆM LUẬT HÌNH SỰ

2. Phương pháp điều chỉnh

Phương pháp điều chỉnh của Luật hình sự là phương pháp quyền uy.

I – KHÁI NIỆM LUẬT HÌNH SỰ

3. Định nghĩa Luật hình sự:

Luật hình sự là ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật pháp luật nước CHXHCN Việt Nam, bao gồm hệ thống các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành nhằm xác định những hành vi nguy hiểm cho xã hội bị coi là tội phạm đồng thời quy định hình phạt với các tội phạm ấy.

I – KHÁI NIỆM LUẬT HÌNH SỰ

4. Nguồn của luật hình sự

Nguồn của Luật hình sự là các văn bản pháp luật, án lệ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành để xác định hành vi bị coi là tội phạm và hình phạt cho tội phạm ấy.

II - TỘI PHẠM

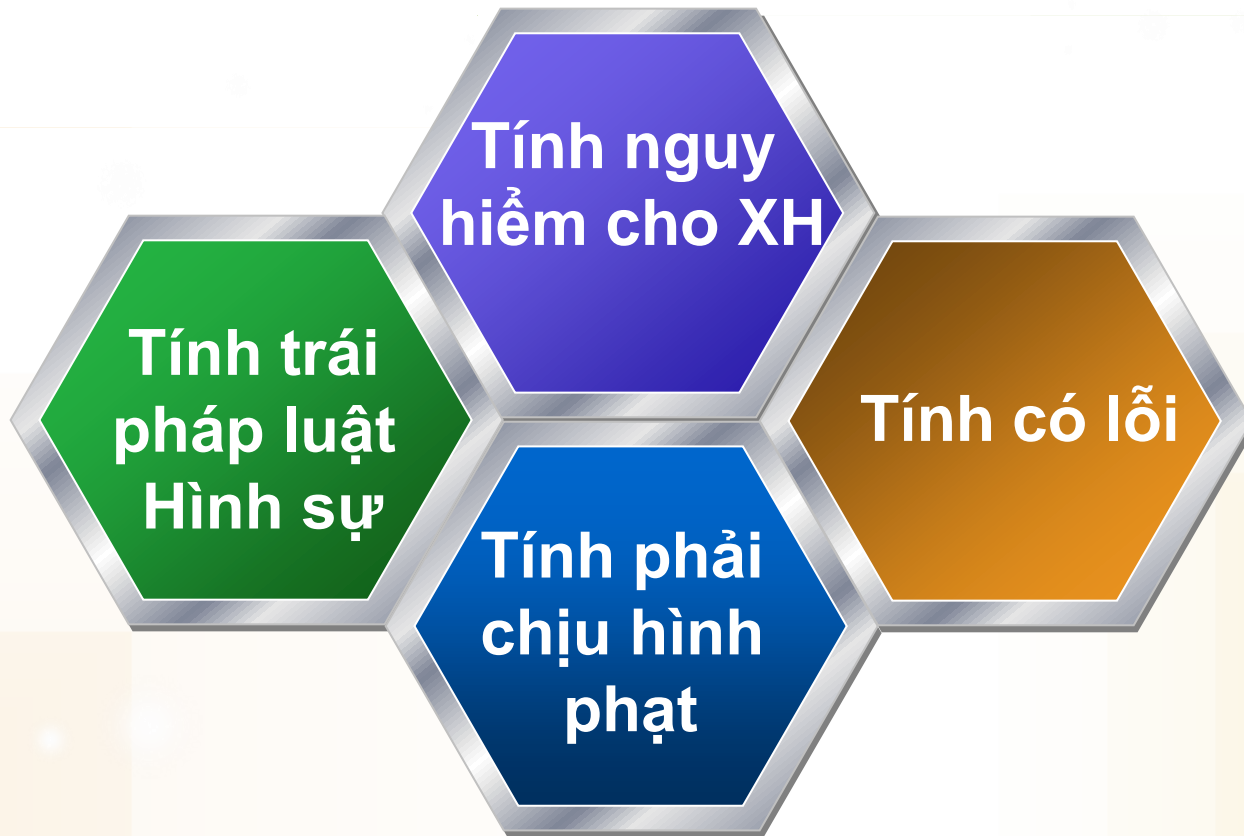
1. Định nghĩa:

“Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà theo quy định của Bộ luật này phải bị xử lý hình sự”.

(Điều 8 BLHS 2015)

II – TỘI PHẠM

2. Các dấu hiệu cơ bản của tội phạm



2. Các dấu hiệu cơ bản của tội phạm

2.1. Tính nguy hiểm cho xã hội: là khả năng gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho các quan hệ xã hội được Luật Hình sự bảo vệ.

Đặc trưng:

- Là căn cứ để phân biệt hành vi tội phạm với các hành vi vi phạm khác,
- Là căn cứ để đánh giá mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội.

2. Các dấu hiệu cơ bản của tội phạm

2.2. Tính có lỗi:

- Lỗi là thái độ chủ quan của con người với hành vi nguy hiểm cho xã hội của mình và đối với hậu quả của hành vi đó.
- Lỗi được thể hiện dưới dạng lỗi vô ý hoặc cố ý

Hành vi gây thiệt hại cho xã hội bị coi là có lỗi nếu chủ thể thực hiện hành vi đó có đủ khả năng nhận thức được hành vi trái pháp luật của mình và hậu quả thiệt hại hành vi đó gây ra cho xã hội mà vẫn thực hiện, trong khi có thể lựa chọn thực hiện xử sự khác phù hợp với đòi hỏi của xã hội.

2. Các dấu hiệu cơ bản của tội phạm

2.3. Tính trái pháp luật hình sự: Hành vi bị coi là tội phạm khi nó trái với quy định của pháp luật hình sự.

Đặc trưng:

- Là dấu hiệu mang tính hình thức phản ánh tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội.
- Giúp đảm bảo cho việc xác định tội danh và quyết định hình phạt được thống nhất và chính xác.

2. Các dấu hiệu cơ bản của tội phạm

2.4. Tính phải chịu hình phạt

- Mọi hành vi phạm tội (do tính nguy hiểm cho xã hội) đều bị đe dọa phải chịu hình phạt.
- Lưu ý các trường hợp Có tội nhưng được miễn trách nhiệm hình sự, hình phạt. (Điều 16, Điều 29, khoản 2 Điều 91 BLHS 2015)

3. Phân loại tội phạm (Điều 9 BLHS 2015)

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm và mức cao nhất của khung hình phạt:

**TP ít
nghiêm
trọng**

Tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho XH không lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt là phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm.

**TP
nghiêm
trọng**

Tội phạm gây nguy hại lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt là từ trên 3 năm đến 7 năm tù.

**TP rất
nghiêm
Trọng**

Tội phạm gây nguy hại rất lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt là từ trên 7 năm đến 15 năm tù.

**TP đặc biệt
nghiêm
trọng**

Tội phạm gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là từ trên 15 năm tù đến 20 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình.

4. Cấu thành tội phạm

Định nghĩa: Cấu thành tội phạm là tổng hợp những dấu hiệu chung có tính đặc trưng cho loại tội phạm cụ thể được quy định trong luật hình sự

4. Cấu thành tội phạm:

4.1. Mặt khách quan của tội phạm

Là những biểu hiện của tội phạm ra bên ngoài thế giới khách quan:

- Hành vi nguy hiểm cho xã hội
- Hậu quả: gây thiệt hại cho xã hội
- Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả
- Các biểu hiện bên ngoài khác (công cụ, phương tiện, thời gian, địa điểm....)

4. Cấu thành tội phạm

4.2. Mặt chủ quan của tội phạm

- Là những biểu hiện tâm lý bên trong của tội phạm bao gồm:
 - Lỗi: (lỗi cố ý gián tiếp, cố ý trực tiếp, vô ý do carelessness, vô ý do quá tự tin)
 - Mục đích phạm tội
 - Động cơ phạm tội

4. Cấu thành tội phạm

4.3. Chủ thể

- Chủ thể có năng lực TNHS là chủ thể khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội có khả năng nhận thức được tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi và có khả năng nhận điều khiển được hành vi đấy.

+ Cá nhân: đạt độ tuổi chịu TNHS (Điều 12 BLHS 2015) và không ở trong tình trạng không có năng lực TNHS (Điều 21 BLHS 2015)

+ Tổ chức là pháp nhân thương mại vi phạm một trong các tội quy định tại Điều 76 BLHS 2015

4. Cấu thành tội phạm

4.4. Khách thể của tội phạm

Là quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ và bị tội phạm gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại ở mức độ đáng kể.

III. HÌNH PHẠT

1. Khái niệm hình phạt

1.1 Định nghĩa

“Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước được quy định trong Bộ luật này, do Tòa án quyết định áp dụng đối với người hoặc pháp nhân thương mại phạm tội nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người, pháp nhân thương mại đó”.

(Điều 30 BLHS 2015)

1. Khái niệm hình phạt

1.2 Đặc điểm

1

Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất

Hình phạt được luật hình sự quy định và do tòa án áp dụng

3

Hình phạt chỉ có thể áp dụng đối với người, pháp nhân thương mại có hành vi phạm tội

4

Nội dung: tước bỏ, hạn chế quyền, lợi ích của chủ thể thực hiện hành vi phạm tội.

III. HÌNH PHẠT

2. Mục đích

- Mục đích phòng ngừa riêng: bao gồm 2 mục đích:
 - + Trừng trị
 - + Cải tạo và giáo dục
- Mục đích phòng ngừa chung: nhằm ngăn ngừa người khác phạm tội, giáo dục, nâng cao ý thức pháp luật.

III. HÌNH PHẠT

3. Hệ thống hình phạt

3.1. Định nghĩa: Hệ thống hình phạt là tổng thể các hình phạt do nhà nước quy định trong luật hình sự và được sắp xếp theo một trình tự nhất định tùy thuộc vào chủ thể phạm tội và mức độ nghiêm khắc của mỗi hình phạt.

Hệ thống hình phạt đối với cá nhân (Điều 32 BLHS 2015)

Hình phạt chính

(được tuyên độc lập và mỗi tội phạm chỉ được tuyên một hình chính)

- Cảnh cáo
- Phạt tiền
- Cải tạo không giam giữ
- Trục xuất
- Tù có thời hạn
- Tù chung thân
- Tử hình

Hình phạt bổ sung

(không thể tuyên độc lập mà chỉ có thể tuyên kèm với HP chính đối với mỗi tội phạm)

- Cấm đảm nhiệm chức vụ
- Cấm hành nghề...
- Cấm cư trú
- Quản chế
- Tước một số quyền CD
- Tịch thu tài sản

Phạt tiền và trục xuất

Hệ thống hình phạt đối với pháp nhân thương mại (Điều 33 BLHS 2015)

Hình phạt chính

(được tuyên độc lập và mỗi tội phạm chỉ được tuyên một hình chính)

- Phạt tiền;
- Đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.

Hình phạt bổ sung

(không thể tuyên độc lập mà chỉ có thể tuyên kèm với HP chính đối với mỗi tội phạm)

- Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định;
- Cấm huy động vốn;
- Phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính.